| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 – CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 249/2026/DS-ST
Ngày 16-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Trần Phi Hùng

Bà Huỳnh Tố Trinh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2026/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:*

1.Bà Trần Kim P, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Căn cước công dân số 096162000273, cấp ngày 09/4/2021.

Người nhận ủy quyền của Bà Trần Kim P: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1957; Căn cước công dân số 096057000179, cấp ngày 09/4/2021. Theo văn bản ủy quyền 02/3/2026. (có yêu cầu xin vắng mặt)

2.Ông Phạm Văn D, sinh năm 1957 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Căn cước công dân số 096057000179, cấp ngày 09/4/2021.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã NP, tỉnh Cà Mau.

*- Bị đơn:*

1.Ông Dư Thanh P (vắng mặt)

2.Bà Diệp Thùy T (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã NP, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2026 của ông Phạm Văn D, Bà Trần Kim P cùng thống nhất trình bày:*

Do quen biết nên vào khoảng năm 2016-2017 vợ chồng ông D , bà P và vợ chồng ông P, bà T có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau do vợ chồng ông P , bà T làm chủ. Tuy nhiên sau khi mãn các dây hụi thì vợ chồng ông P , bà T không thanh toán tiền hụi cho vợ chồng ông D , bà P.

Thời gian qua vợ chồng ông D , bà P có nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông P , bà T hoàn trả số tiền hụi nợ nhưng vợ chồng ông P chưa trả. Đến ngày 01/01/2025 thì hai bên thỏa thuận với nhau và thống nhất tổng số tiền hụi nợ là 315.000.000 đồng, thời gian thanh toán là ngày 31/12/2025. Khi thỏa thuận vợ chồng ông P , bà T có viết biên nhận cho vợ chồng ông D , bà P.

Tuy nhiên đến nay đã hết hạn thỏa thuận 01 năm mà vợ chồng ông P , bà T không trả tiền như đã hứa. Vì vậy vợ chồng bà P, ông D yêu cầu vợ chồng bà T , ông P có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ hụi với số tiền 315.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/01/2025.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Văn D, Bà Trần Kim P khởi kiện yêu cầu bà Diệp Thùy T , ông Dư Thanh P có nghĩa vụ thanh toán nợ hụi nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi; Bà T , ông P có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã N, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà P, ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông P , bà T vắng mặt khi hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông bà theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bà P vắng mặt nhưng có ủy quyền cho ông D và ông D có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa ông D , bà P yêu cầu bà T , ông P có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền hụi nợ là 315.000.000 đồng.

[4] Xét thấy yêu cầu của ông D , bà P về việc yêu cầu bà T , ông P thanh toán tiền hụi còn nợ là có cơ sở. Bởi vì việc vợ chồng ông P , bà T nợ tiền hụi vợ chồng ông D , bà P có viết giấy nhận nợ đề ngày 01/01/2025. Vì vậy có cơ sở cho rằng việc giao dịch góp hụi là thực tế có xảy ra. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tống đạt các văn bản tố tụng để thông báo yêu cầu của bà P, ông D về việc yêu cầu bà T , ông P thanh toán tổng số tiền hụi nợ 315.000.000 đồng nhưng bà T , ông P không có văn bản ý kiến và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có lý do.

Từ những căn cứ nêu trên buộc bà T , ông P có nghĩa vụ thanh toán cho bà P, ông D tổng số tiền hụi còn nợ lại là 315.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T , ông P phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Kim P, ông Phạm Văn D đối với bà Diệp Thùy T , ông Dư Thanh P về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Diệp Thùy T , ông Dư Thanh P có nghĩa thanh toán cho Bà Trần Kim P, ông Phạm Văn D tổng số tiền nợ là 315.000.000 đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 01/01/2024.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Bà Trần Kim P, ông Phạm Văn D (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Diệp

Thùy T , ông Dư Thanh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Diệp Thùy T , ông Dư Thanh P phải nộp 15.750.000 đ*(Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Bà Trần Kim P, ông Phạm Văn D không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*-VKSND khu vực 2 – Cà Mau;*
*-Phòng THADS khu vực 2 – Cà Mau;*
*-TAND tỉnh Cà Mau;*
*-Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kiều Trang**